

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 134/2022/HNGĐ-ST

Ngày : 12/8/2022

V/v *Tranh chấp hôn nhân và gia
đình*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Thông

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lý Đình Đạt

2. Ông Tô Văn Đức

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Hà Thị Hải - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 12/8/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 114/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2022/QĐXX-ST ngày 07/7/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 87/2022/QĐ-ST ngày 22/7/2022 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Chị Ngô Thị T ; Sinh năm : 1991 (vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: Thôn V, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Nơi ở : Thôn Đăng Triều, xã Trừng Xá, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh.

***Bị đơn :** Anh Giáp Văn C; Sinh năm : 1991 (vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: Thôn V, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

(Hiện đang lao động tại nước ngoài)

Địa chỉ cuối cùng của anh Giáp Văn C tại Việt Nam là thôn V, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai ngày 13/5/2022 Nguyên đơn chị Ngô Thị T trình bày:

Chị và anh Giáp Văn C kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang vào ngày 16/3/2011 có được tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương, được sự đồng ý của hai bên gia đình. Sau khi kết hôn chị về gia đình anh C làm dâu và chung sống cùng gia đình anh C. Vợ chồng chung sống hòa hợp, hạnh phúc. Do điều kiện kinh tế đến năm 2019 anh C đã làm thủ tục đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, kể từ khi anh C đi xuất khẩu lao động thì vợ chồng ít liên lạc với nhau, mỗi lần liên lạc, nói chuyện lại xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ nhau. Nay vợ chồng cắt đứt liên lạc với nhau không còn quan tâm đến nhau nữa và vợ chồng cũng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị được ly hôn với anh Giáp Văn C.

-Về con chung: Vợ chồng chị có 03 con chung là cháu Giáp Thị Th, sinh ngày 26/11/2009, cháu Giáp Thị Thuỳ D, sinh ngày 30/01/2003 và cháu Giáp Minh H, sinh ngày 21/10/2016. Ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng cả 3 con chung và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

-Về tài sản chung, công nợ chung: Không đề nghị giải quyết.

Ngoài ra chị T còn trình bày: Hiện nay anh C vẫn đang lao động ở nước ngoài, địa chỉ cụ thể của anh C ở nước ngoài chị không cung cấp được cho Tòa án được vì đã lâu chị không liên lạc được với anh C, anh C vẫn liên lạc về cho bố để anh C là ông Giáp Văn Đ; sinh năm 1948, trú tại: Thôn V, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang nhưng ông Đ cũng không cung cấp địa chỉ cho chị biết nên chị không biết để cung cấp cho Tòa án.

Do tính chất công việc nên chị không thể tham gia được các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa chị và anh C. được, nên chị đề nghị Tòa án cho chị được vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị và anh C.

Tại đơn trình bày cháu Giáp Thị Th và cháu Giáp Thị Thuỳ Dương trình bày: Các cháu là con của mẹ Ngô Thị T và bố Giáp Văn C, hiện nay cháu đang ở cùng với bố và ông bà nội. Nếu bố mẹ các cháu ly hôn thì nguyện vọng của các cháu là được ở với bố cháu là Giáp Văn C và ông bà nội.

Bị đơn anh Giáp Văn C không có bản tự khai.

Ngày 24/6/2022 và ngày 04/7/2022 Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến

hành làm việc với bố đẻ của anh C là ông Giáp Văn Đ, sinh năm 1948; trú tại: Thôn V, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang để giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu ông Đ thông báo cho anh C biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị Ngô Thị T và anh Giáp Văn C; yêu cầu anh C viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; yêu cầu ông Đ cung cấp địa chỉ cụ thể của anh C ở nước ngoài. Tuy nhiên qua 2 lần làm việc ông Đ vẫn giữ nguyên quan điểm là anh C ở nước ngoài vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình nhưng ông không cung cấp địa chỉ cụ thể của anh C ở nước ngoài cho Tòa án, vì đây là việc cá nhân của anh C, đồng thời ông cũng không thực hiện theo yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh C biết để anh C gửi lời khai về. Kể từ đó đến nay, Tòa án cũng không nhận được bất kỳ lời khai nào của anh C gửi về.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Ngô Thị T vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Giáp Văn C vắng mặt không có lý do.

Thay mặt Hội đồng xét xử thông qua đơn khởi kiện, bản tự khai của chị T; Biên bản làm việc với bố đẻ của anh C là ông Giáp Văn Đ và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn chị Ngô Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn anh C không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với anh C; Căn cứ vào công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao xử vắng mặt anh Giáp Văn C là đúng.

-Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng điều 51, 53, 56; Điều 81, 82, 83 và khoản 2 điều 123; điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28; khoản 3 điều 35; điểm c khoản 1 điều 37; khoản 4 điều 147; khoản 4 điểm c khoản 5 điều 477; điều 271; điều 273; điều 150 BLTTDS; khoản 1, 2 điều 479 BLTTDS; khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị T.

Về hôn nhân: Cho chị Ngô Thị T được ly hôn anh Giáp Văn C.

Về con chung: Giao con chung là cháu Giáp Thị Th, sinh ngày 26/11/2009; cháu Giáp Thị Thuỳ D, sinh ngày 30/01/2003 và cháu Giáp Minh H, sinh ngày

21/10/2016 cho chị Ngô Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi con không Đ ra do chị T không yêu cầu. Anh Giáp Văn C có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh C thực hiện quyền này.

Chị Ngô Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. **Về thủ tục tố tụng:** Chị Ngô Thị T là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị Ngô Thị T.

Đối với bị đơn anh Giáp Văn C vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành làm việc với bố đẻ của anh C là ông Giáp Văn Đ để giao thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu ông Đ thông báo cho anh C biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị Ngô Thị T và anh Giáp Văn C; Yêu cầu anh C viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; Yêu cầu ông Đ cung cấp địa chỉ cụ thể của anh C ở nước ngoài. Ông Giáp Văn Đ trình bày: Anh C ở nước ngoài vẫn thường xuyên liên lạc về cho ông. Tuy nhiên, Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà ông Đ vẫn không cung cấp địa chỉ, tin tức của anh C cho Tòa án, cũng như không chịu thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh C biết. Nhận thấy đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn anh Giáp Văn C theo thủ tục chung.

[2]. **Về thẩm quyền:** Chị Ngô Thị T là nguyên đơn có đơn xin ly hôn anh Giáp Văn C, anh C hiện đang lao động tại nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ (theo Công văn số 12392/QLXNC-P5 ngày 16/6/2022 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an), thì anh C đã xuất nhập cảnh 03 lần, lần xuất cảnh gần nhất là ngày 15/4/2019 hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại, địa chỉ cuối cùng của anh C ở Việt Nam là: Thôn V, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ Hôn nhân: Chị Ngô Thị T và anh Giáp Văn C kết hôn ngày 16/3/2011 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị T trình bày: Sau khi kết hôn chị về gia đình anh C làm dâu và chung sống cùng gia đình anh C. Vợ chồng chung sống hòa hợp, hạnh phúc. Do điều kiện kinh tế đến năm 2019 anh C đã làm thủ tục đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, kể từ khi anh C đi xuất khẩu lao động thì vợ chồng ít liên lạc với nhau, mỗi lần liên lạc, nói chuyện lại xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ nhau. Nay vợ chồng cắt đứt liên lạc với nhau không còn quan tâm đến nhau nữa và vợ chồng cũng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị được ly hôn với anh Giáp Văn C.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Ngô Thị T. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn chị T và anh C chung sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2019 do kinh tế gia đình nên anh C đã đi nước ngoài lao động, kể từ khi đi nước ngoài thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, vợ chồng không còn quan tâm liên lạc gì với nhau, chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng đã sống ly thân và không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh C đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T. Xử cho chị Ngô Thị T được ly hôn với anh Giáp Văn C

[4]. Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Giáp Thị Th, sinh ngày 26/11/2009; cháu Giáp Thị Thuỳ D, sinh ngày 30/01/2003 và cháu Giáp Minh H, sinh ngày 21/10/2016. Ly hôn chị T đề nghị được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét yêu cầu nuôi con chung của chị T: Hội đồng xét xử thấy hiện nay anh C đang lao động tại nước ngoài không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh Giáp Văn C từ khi đi nước ngoài thì các cháu vẫn do bố mẹ anh C là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, các cháu phát triển bình thường về thể chất và tinh thần, được đi học đầy đủ, cháu Thắng và cháu Dương có nguyện vọng được ở với bố nếu bố mẹ ly hôn, tuy nhiên anh C đang ở nước ngoài không thể tiếp chăm sóc các cháu. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của chị Ngô Thị T về nuôi con chung là cháu Giáp Thị Th, sinh ngày 26/11/2009; cháu Giáp Thị Thuỳ D, sinh ngày 30/01/2013 và cháu Giáp Minh H, sinh ngày 21/10/2016. Giao cho chị T là người trực tiếp trông

nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Giáp Thị Th, sinh ngày 26/11/2009; cháu Giáp Thị Thuỳ D, sinh ngày 30/01/2013 và cháu Giáp Minh H, sinh ngày 21/10/2016 đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp với điều kiện thực tế cũng như quyền và lợi ích về mọi mặt của con chung. Sau khi ly hôn anh Giáp Văn C có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh C thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trường hợp anh Giáp Văn C về Việt Nam có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[5]. Về tài sản, công nợ: Chị Ngô Thị Thuỳ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị Ngô Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 và khoản 2 Điều 123; Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 3 điều 153; Điều 271; Điều 273; khoản 1 và khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27; Điều 44 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Ngô Thị T được ly hôn với anh Giáp Văn C.

2. Về con chung: Giao cho chị Ngô Thị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Giáp Thị Th, sinh ngày 26/11/2009; cháu Giáp Thị Thuỳ D, sinh ngày 30/01/2013 và cháu Giáp Minh H, sinh ngày 21/10/2016 đến

khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh Giáp Văn C có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh C thực hiện quyền này.

Trường hợp anh Giáp Văn C về Việt Nam có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

3.Về án phí: Chị Ngô Thị T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000485 ngày 21/6/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Ngô Thị T đã nộp đủ.

4.Về quyền kháng cáo bản án: Chị Ngô Thị T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Anh Giáp Văn C hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Trung Thông